

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1584/QĐ-ĐHM ngày 02 tháng 10 năm 2017 của Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh)

A. Thông tin tổng quát (General information)

1. Tên chương trình tiếng Việt:	Hệ thống thông tin quản lý
2. Tên chương trình tiếng Anh:	Management Information System
3. Trình độ đào tạo:	Đại học
4. Ngành đào tạo tiếng Việt:	Hệ thống thông tin quản lý
5. Ngành đào tạo tiếng Anh:	Management Information System
6. Mã ngành:	52340405
7. Thời gian đào tạo:	4 năm
8. Loại hình đào tạo:	Chính quy, tập trung
9. Số tín chỉ:	127
10. Văn bằng tốt nghiệp:	Cử nhân
11. Ngôn ngữ giảng dạy	Tiếng Việt

B. Mục tiêu đào tạo và Chuẩn đầu ra (Program goals and Learning outcomes)

1. Mục tiêu đào tạo (Program goals)

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân ngành Hệ thống thông tin quản lý có phẩm chất đạo đức, được trang bị đầy đủ khối kiến thức giáo dục đại cương, các vấn đề lý thuyết và các kỹ năng thực hành của ngành Công nghệ thông tin, các kiến thức về kinh tế và quản trị, nắm vững về tin học quản lý.

Sinh viên tốt nghiệp có khả năng là chuyên viên công nghệ thông tin, chuyên viên phân tích, chuyên viên tư vấn thực hiện việc tổ chức và phát triển các ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các tổ chức kinh tế - xã hội; có khả năng quản lý các doanh nghiệp công nghệ thông tin.

1.2. Mục tiêu cụ thể

Chương trình Hệ thống thông tin quản lý hướng đến việc đào tạo, trang bị cho sinh viên ba nhóm kiến thức, kỹ năng và thái độ như sau:

1.2.1. Kiến thức

Sinh viên có kiến thức cơ bản và chuyên sâu về tin học quản lý; có thể vận dụng kiến thức tin học quản lý vào thực tiễn quản lý ở các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh, các doanh nghiệp dịch vụ tài chính, ngân hàng, chứng khoán, các cơ quan quản lý khu vực công.

1.2.2. Kỹ năng

Sinh viên có khả năng sử dụng thành thạo các ngôn ngữ lập trình và các công cụ hỗ trợ; phân tích, thiết kế, xây dựng chương trình ứng dụng trong cơ sở dữ liệu và tin học quản lý.

1.2.3. Trình độ ngoại ngữ và tin học

Sinh viên được trang bị kỹ năng sử dụng ngoại ngữ và tin học cần thiết cho giao tiếp và thực hành nghề nghiệp trong môi trường làm việc hiện đại.

1.2.4. Thái độ

Sinh viên có phẩm chất chính trị và ý thức tổ chức kỷ luật tốt, có tác phong làm việc nghiêm túc, có đạo đức nghề nghiệp.

2. Chuẩn đầu ra (Program learning outcomes)

2.1. Kiến thức

2.1.1. Tri thức chuyên môn

Sinh viên được trang bị các kiến thức chung về Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin, Đường lối Cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam, Tư tưởng Hồ Chí Minh; có kiến thức cơ bản trong lĩnh vực Khoa học Xã hội và Khoa học Tự nhiên để tiếp thu các kiến thức giáo dục chuyên nghiệp và khả năng học tập nâng cao trình độ.

Bên cạnh đó sinh viên cũng được trang bị các kiến thức ngành công nghệ thông tin như Cấu trúc dữ liệu và thuật giải, Hệ điều hành, Cơ sở dữ liệu, Tin học quản lý,... và đồng thời có hiểu biết về các kiến thức ngành kinh tế như Quản trị dự án, Quản trị nhân sự, Quản trị marketing, ...

2.1.2. Năng lực nghề nghiệp

Hoàn thành chương trình đào tạo, sinh viên có những năng lực sau:

- Có khả năng lập trình thành thạo; Có khả năng phân tích, thiết kế, xây dựng các chương trình ứng dụng hướng quản lý;
- Có khả năng quản trị, bảo trì, và phát triển hệ thống thông tin cho các cơ quan, doanh nghiệp;
- Có khả năng vận dụng các kiến thức tin học quản lý giải quyết các vấn đề nghiệp vụ tại các cơ quan, doanh nghiệp trong lãnh vực như sản xuất, kinh doanh, tài chính, ngân hàng, chứng khoán, hành chính, giáo dục, ...

2.2. Kỹ năng

2.2.1. Kỹ năng chuyên môn

- Sử dụng thành thạo các ngôn ngữ lập trình và công cụ hỗ trợ được học;
- Có thể tự tiếp cận các ngôn ngữ lập trình, các nền tảng lập trình mới;
- Có khả năng phân tích, thiết kế, xây dựng chương trình ứng dụng trong cơ sở dữ liệu và tin học quản lý;
- Có khả năng tham gia xây dựng, vận hành, bảo trì và phát triển hệ thống thông tin cho các tổ chức, doanh nghiệp;
- Có khả năng vận dụng kiến thức tin học quản lý vào thực tiễn quản lý ở các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh, các doanh nghiệp dịch vụ tài chính, ngân hàng, chứng khoán, các cơ quan quản lý khu vực công, ...

2.2.2. Kỹ năng mềm

- Có kỹ năng giao tiếp;
- Có khả năng thuyết trình;
- Có kỹ năng làm việc theo nhóm;
- Kỹ năng ngoại ngữ: Sinh viên tốt nghiệp có chuẩn đầu ra ngoại ngữ đạt năng lực Tiếng Anh bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

2.3. Thái độ

- Sinh viên có phẩm chất đạo đức, ý thức nghề nghiệp, trách nhiệm công dân;
- Có phẩm chất chính trị tốt, trung thực có ý thức tổ chức kỷ luật;
- Trách nhiệm, đạo đức, tác phong nghề nghiệp, thái độ phục vụ;
- Khả năng cập nhật kiến thức, thái độ trong công việc.

2.4. Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp

Sinh viên tốt nghiệp ngành Hệ thống thông tin quản lý có thể làm việc trong các tổ chức, doanh nghiệp có ứng dụng công nghệ thông tin, cụ thể như sau:

2.4.1. Hướng quản lý

Sinh viên có thể trở thành một chuyên viên nắm được nghiệp vụ CNTT trong các hệ thống hoạt động sản xuất kinh doanh như:

- Marketing (eMarketing, SEO: Search Engine Optimization, ...);
- Nhân sự (HRM: Human Resource Management);
- Mua hàng (Purchasing) và Quản lý chuỗi cung ứng (SCM: Supply Chain Management);
- Bán hàng (Point of Sale) và Dịch vụ khách hàng (CRM: Customer Relationship Management);
- Hoạch định nguồn lực doanh nghiệp (ERP: Enterprise Resource Planning).

2.4.2. Hướng công nghệ thông tin

Một số vị trí tiêu biểu như sau:

- Chuyên viên quản trị, vận hành hệ thống (System Administrator);
- Chuyên viên quản trị CSDL (DB Administrator);
- Chuyên viên quản trị hệ thống Web, Thương mại điện tử (Web Administrator);
- Chuyên viên phân tích nghiệp vụ (Business Analyst);
- Chuyên viên phân tích hệ thống (System Analyst);
- Lập trình viên / Chuyên viên phát triển phần mềm (Programmer, Software Developer);
- Chuyên gia huấn luyện CNTT trong doanh nghiệp / giảng viên (IT Trainer);
- Chuyên gia tư vấn triển khai ERP (ERP Consultant);
- Chuyên gia tư vấn, cố vấn CNTT (IT Consultant).

2.5. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

- Có khả năng tham gia nghiên cứu;
- Có khả năng học tập lên Thạc sĩ và Tiến sĩ sau khi tốt nghiệp.

2.6. Các chương trình, tài liệu, chuẩn quốc tế mà Khoa tham khảo

- ACM/IEEE-IS Management Information System Curriculum 2010 (CS2010);
- Association for Computing Machinery IEEE-Computer Society;
- CDIO (Conceiving — Designing — Implementing — Operating);

- Chuẩn Abet;
- Thang đo Bloom.

C. Nội dung chương trình (Curriculum)

1. Thời gian đào tạo

Chương trình đào tạo Cử nhân Đại học được thực hiện trong 4 năm.

2. Khối lượng kiến thức toàn khóa

Tổng khối lượng kiến thức tích lũy cho toàn khóa tối thiểu là **127** tín chỉ, không bao gồm Giáo dục Thể chất (3 tín chỉ) và Giáo dục Quốc phòng (8 tín chỉ).

3. Đối tượng tuyển sinh

Công dân đã có bằng tốt nghiệp THPT hoặc tương đương theo quy định tại Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

4. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

4.1. Quy trình đào tạo

Chương trình thực hiện theo Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành tại Quyết định số 43/20017/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007, được sửa chữa bổ sung một số điều tại Thông tư 53/2012/TT-BGDĐT ngày 27 tháng 12 năm 2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Quy chế đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 2026/QĐ-ĐHM ngày 20 tháng 12 năm 2016 của Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh.

4.2. Điều kiện tốt nghiệp

Sinh viên được công nhận tốt nghiệp khi hội đủ các điều kiện được quy định tại điều 27 Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007, được sửa chữa, bổ sung một số điều tại Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27 tháng 12 năm 2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và điều 27 Quy chế đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ hiện hành của Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh, cụ thể như sau:

- Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;
- Tích lũy đủ số tín chỉ môn học và khối lượng kiến thức quy định cho CTĐT mỗi khóa;

- Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên;
- Có chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng và hoàn thành môn học Giáo dục Thể chất.

5. Thang điểm

Chương trình sử dụng thang điểm 10, quy tương đương sang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy định của Trường.

6. Nội dung chương trình

STT	Tên môn học	Mã môn học	Số tín chỉ			Ghi chú
			TC	LT	TH	
6.1. Kiến thức giáo dục đại cương			40	39	1	
6.1.1. Lý luận chính trị			10	10		
1.	Những NLCB CN Mac - Lênin (P1) <i>Principle of Marxist-Leninist Philosophy (P1)</i>	POLI1201	2	2		
2.	Những NLCB CN Mac - Lênin (P2) <i>Principle of Marxist-Leninist Philosophy (P2)</i>	POLI2302	3	3		
3.	Tư tưởng Hồ Chí Minh <i>Ho Chi Minh Ideology</i>	POLI2201	2	2		
4.	Đường lối CM của Đảng CSVN <i>Revolution Way of Vietnam Communist Party</i>	POLI2301	3	3		
6.1.2. Khoa học xã hội			4	4		
5.	Logic học <i>Logic</i>	ACCO1201	2	2		
6.	Pháp luật đại cương <i>Introduction to laws</i>	GLAW1201	2	2		
6.1.3. Ngoại ngữ			14	14		
7.	Tiếng Anh nâng cao 1 <i>Pre-Intermediate English 1</i>	GENG0405	4	4		
8.	Tiếng Anh nâng cao 2 <i>Pre-Intermediate English 2</i>	GENG0406	4	4		Tiếng Anh NC 1
9.	Tiếng Anh nâng cao 3 <i>Intermediate English 1</i>	GENG0307	3	3		Tiếng Anh NC 2

STT	Tên môn học	Mã môn học	Số tín chỉ			Ghi chú
			TC	LT	TH	
10.	Tiếng Anh nâng cao 4 <i>Intermediate English 2</i>	GENG0308	3	3		Tiếng Anh NC 3
6.1.4. Toán – Tin học – Khoa học tự nhiên			12	11	1	
11.	Đại số tuyến tính <i>Linear Algebra</i>	MATH1309	3	3		
12.	Giải tích <i>Analytics</i>	MATH1310	3	3		
13.	Lý thuyết xác suất và thống kê <i>Theory of Probability and Statistics</i>	MATH1304	3	3		
14.	Nhập môn tin học <i>Introduction to Informatics</i>	ITEC1401	3	2	1	
6.1.5. Giáo dục Thể chất			3		3	
15.	GDTC1-Thể dục Phát triển chung <i>Physical Education 1-General developmental fitness</i>	PEDU0201	1.5		1.5	
16.	<i>Chọn 1 trong các môn sau</i>		1.5		1.5	
	GDTC2 - Bóng chuyền <i>Physical Education 2-Volleyball</i>	PEDU0202				
	GDTC2 - Bóng đá <i>Physical Education 2-Football</i>	PEDU0203				
	GDTC2 - Cầu lông <i>Physical Education-Badminton</i>	PEDU0204				
	GDTC2 - Võ thuật <i>Physical Education 2-Martial art</i>	PEDU0205				
	GDTC2 - Bóng bàn <i>Physical Education 2-Table-tennis</i>	PEDU0206				
	GDTC2-Bơi lội <i>Physical Education 2-Swimming</i>	PEDU0207				
6.1.6. Giáo dục Quốc phòng - An ninh			8		8	
17.	Giáo dục Quốc phòng <i>Defense Education and Security Module</i>	DEDU1801	8		8	
6.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			87	74	13	
6.2.1. Kiến thức cơ sở của ngành và khối ngành			32	32		

STT	Tên môn học	Mã môn học	Số tín chỉ			Ghi chú
			TC	LT	TH	
18.	Kinh tế học đại cương <i>Introduction to Economics</i>	SEAS2301	3	3		
19.	Kinh tế lượng <i>Econometrics</i>	ECON2304	3	3		
20.	Dự báo trong kinh doanh <i>Business Forecasting</i>	BADM3326	3	3		
21.	Nguyên lý kế toán <i>Principles of Accounting</i>	ACCO2301	3	3		
22.	Quản trị học <i>Principles of Management</i>	BADM1301	3	3		
23.	Quản trị dự án <i>Project Management</i>	BADM3401	4	4		
24.	Toán tin học <i>Discrete Mathematics</i>	MATH3401	4	4		
25.	Hệ điều hành <i>Operating System</i>	ITEC2301	3	3		
26.	Hệ thống thông tin quản lý <i>Information System Management</i>	MISY3301	3	3		
27.	Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp <i>Enterprise Resource Planning System</i>	MISY3302	3	3		
6.2.2. Kiến thức ngành và chuyên sâu			39	30	9	
6.2.2.1. Bắt buộc			36	28	8	
28.	Cơ sở lập trình <i>Basic Programming</i>	ITEC1505	4	3	1	
29.	Kỹ thuật lập trình <i>Programming Techniques</i>	ITEC1504	4	3	1	Cơ sở lập trình
30.	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật <i>Data Structures and Algorithms</i>	MISY2501	4	3	1	KT lập trình
31.	Cơ sở dữ liệu <i>Introduction to Database</i>	ITEC2502	4	3	1	KT lập trình
32.	Phát triển hệ thống thông tin quản lý <i>Management Information System Development</i>	MISY3303	3	3		

STT	Tên môn học	Mã môn học	Số tín chỉ			Ghi chú
			TC	LT	TH	
33.	Mạng máy tính <i>Computer Networks</i>	ITEC2503	4	3	1	KT lập trình
34.	Quản trị hệ cơ sở dữ liệu <i>Database System Administration</i>	ITEC4402	3	2	1	Cơ sở dữ liệu
35.	Phân tích thiết kế hệ thống <i>System Analysis and Design</i>	ITEC3401	4	4		Cơ sở dữ liệu
36.	Lập trình cơ sở dữ liệu <i>Database Programming</i>	ITEC3406	3	2	1	Cơ sở dữ liệu
37.	An toàn bảo mật thông tin <i>Information Security</i>	ITEC4406	3	2	1	Mạng máy tính
6.2.2.2. Tự chọn: Chọn 01 môn trong các môn học sau:			3	2	1	
38.	Quản lý dự án phần mềm <i>Software Project Management</i>	ITEC4408	3	2	1	Phân tích thiết kế hệ thống
39.	Công nghệ mã nguồn mở <i>Open Source Technology</i>	ITEC4410	3	2	1	Hệ điều hành
40.	Lập trình web <i>Web Programming</i>	ITEC3403	3	2	1	Mạng máy tính
41.	Lập trình Java <i>Java Programming</i>	ITEC4407	3	2	1	KT lập trình
42.	Công nghệ phần mềm <i>Software Engineering</i>	ITEC4409	3	2	1	
43.	Lập trình giao diện <i>Interface Programming</i>	ITEC2401	3	2	1	KT lập trình
44.	Chuyên đề 1 <i>Special subject 1</i>	MISY3401	3	2	1	
45.	Chuyên đề 2 <i>Special subject 2</i>	MISY3402	3	2	1	
6.2.3. Kiến thức bổ trợ: Chọn 2 trong số các môn học sau:			6	6		
46.	Quản trị nhân lực <i>Human Resource Management</i>	BADM2303	3	3		
47.	Quản trị tài chính <i>Financial Management</i>	FINA4306	3	3		
48.	Quản trị rủi ro	BADM4313	3	3		

STT	Tên môn học	Mã môn học	Số tín chỉ			Ghi chú
			TC	LT	TH	
	<i>Risk management</i>					
49.	Quản trị Marketing <i>Marketing Management</i>	BADM2304	3	3		
50.	Thiết lập và thẩm định dự án Đầu tư <i>Project Feasibility Analysis</i>	BADM3321	3	3		
51.	Thương mại điện tử <i>E – Commerce</i>	BADM3306	3	3		
52.	Quản trị chiến lược <i>Strategic Management</i>	BADM4301	3	3		
6.2.4. Thực tập & KLTN (hoặc học môn thay thế)			10	6	4	
53.	Thực tập tốt nghiệp <i>Graduation Intership</i>	MISY4899	4		4	
54.	Khóa luận tốt nghiệp <i>Graduation Thesis</i>	MISY4699	6	6		
Môn học thay thế Khóa luận tốt nghiệp			6	5	1	
55.	Môn ngành chọn (chọn trong mục 6.2.2.2)		3	2	1	
56.	Môn bổ trợ chọn (chọn trong mục 6.2.3)		3	3		
Tổng cộng			127	113	14	

7. Kế hoạch giảng dạy (dự kiến)

Các môn Giáo dục Thể chất (3TC) và Giáo dục Quốc phòng – An ninh (8TC) được tổ chức giảng dạy theo kế hoạch chung của nhà trường.

STT	Tên môn học	Mã môn học	Số tín chỉ			Ghi chú
			TC	LT	TH	
HỌC KỲ 1			13	12	1	
1.	Đại số tuyến tính	MATH1309	3	3		
2.	Tiếng Anh nâng cao 1	GENG0405	4	4		
3.	Kinh tế học đại cương	SEAS2301	3	3		
4.	Nhập môn tin học	ITEC1401	3	2	1	

STT	Tên môn học	Mã môn học	Số tín chỉ			Ghi chú
			TC	LT	TH	
HỌC KỲ 2			13	12	1	
1.	Những NLCB CN Mác-Lênin (P1)	POLI1201	2	2		
2.	Tiếng Anh nâng cao 2	GENG0406	4	4		
3.	Giải tích	MATH1310	3	3		
4.	Cơ sở lập trình	ITEC1505	4	3	1	
HỌC KỲ 3			10	9	1	
1.	Những NLCB CN Mác-Lênin (P2)	POLI1501	3	3		
2.	Tiếng Anh nâng cao 3	GENG0307	3	3		
3.	Kỹ thuật lập trình	ITEC1504	4	3	1	
HỌC KỲ 4			16	15	1	
1.	Quản trị học	BADM1301	3	3		
2.	Tiếng Anh nâng cao 4	GENG0308	3	3		
3.	Lý thuyết xác suất & thống kê	MATH1304	3	3		
4.	Hệ điều hành	ITEC2301	3	3		
5.	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	MISY2501	4	3	1	
HỌC KỲ 5			15	13	2	
1.	Pháp luật đại cương	GLAW1201	2	2		
2.	Nguyên lý kế toán	ACCO2301	3	3		
3.	Logic học	ACCO1201	2	2		
4.	Mạng máy tính	ITEC2503	4	3	1	
5.	Cơ sở dữ liệu	ITEC2502	4	3	1	
HỌC KỲ 6			11	11	0	
1.	Kinh tế lượng	ECON2304	3	3		
2.	Toán tin học	MATH3401	4	4		
3.	Phân tích thiết kế hệ thống	ITEC3401	4	4		
HỌC KỲ 7			15	13	2	

STT	Tên môn học	Mã môn học	Số tín chỉ			Ghi chú
			TC	LT	TH	
1.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	POLI2201	2	2		
2.	Quản trị dự án	BADM3401	4	4		
3.	Môn bổ trợ chọn 1 (<i>chọn trong mục 6.2.3</i>)	SELE2301	3	3		
4.	Môn ngành chọn 1 (<i>chọn trong mục 6.2.2.2</i>)	SELE3304	3	2	1	
5.	Quản trị hệ cơ sở dữ liệu	ITEC4402	3	2	1	
HỌC KỲ 8			15	14	1	
1.	Đường lối CM của Đảng CSVN	POLI2301	3	3		
2.	Môn bổ trợ chọn 2 (<i>chọn trong mục 6.2.3</i>)	SELE2302	3	3		
3.	Dự báo trong kinh doanh	BADM3326	3	3		
4.	Hệ thống thông tin quản lý	MISY3301	3	3		
5.	Lập trình cơ sở dữ liệu	ITEC3406	3	2	1	
HỌC KỲ 9			9	8	1	
1.	Phát triển hệ thống thông tin quản lý	MISY3303	3	3		
2.	Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp	MISY3302	3	3		
3.	An toàn bảo mật thông tin	ITEC4406	3	2	1	
HỌC KỲ 10			4		4	
1.	Thực tập tốt nghiệp	MISY4899	4		4	
HỌC KỲ 11			6	6		
1.	Khóa luận tốt nghiệp	MISY4699	6	6		
<i>Môn học thay thế Khóa luận tốt nghiệp</i>			6	5	1	
1.	Môn ngành chọn 2 (<i>chọn trong mục 6.2.2.2</i>)		3	2	1	
2.	Môn bổ trợ chọn 3 (<i>chọn trong mục 6.2.3</i>)		3	3		

8. Hướng dẫn thực hiện chương trình

8.1. Danh mục các môn học được áp dụng các phương pháp đổi mới giảng dạy

STT	Tên môn học	Mã môn học	PPTCGD			Ghi chú
			BD	CD	TQ	
1.	Nhập môn tin học	ITEC1401	x			
2.	Cơ sở lập trình	ITEC1505	x	x		
3.	Kỹ thuật lập trình	ITEC1504	x	x		
4.	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	MISY2501	x	x		
5.	Hệ điều hành	ITEC2301	x			
6.	Mạng máy tính	ITEC2503	x			
7.	Cơ sở dữ liệu	ITEC2502	x			
8.	Phân tích thiết kế hệ thống	ITEC3401			x	
9.	Toán tin học	MATH3401	x			
10.	Lập trình cơ sở dữ liệu	ITEC3406	x	x		
11.	Quản trị hệ cơ sở dữ liệu	ITEC4402		x		
12.	Hệ thống thông tin quản lý	MISY3301		x	x	
13.	Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp	MISY3302		x	x	
14.	Phát triển hệ thống thông tin quản lý	MISY3303		x	x	
15.	An toàn bảo mật thông tin	ITEC4406		x		
16.	Lập trình Java	ITEC4407	x	x		
17.	Công nghệ mã nguồn mở	ITEC4410		x		
18.	Công nghệ phần mềm	ITEC4409	x	x		
19.	Lập trình giao diện	ITEC2401	x	x		
20.	Lập trình web	ITEC3403		x		
21.	Quản lý dự án phần mềm	ITEC4408		x		
22.	Chuyên đề 1	MISY3401		x		
23.	Chuyên đề 2	MISY3402		x		

STT	Tên môn học	Mã môn học	PPTCGD			Ghi chú
			BD	CD	TQ	
24.	Thực tập tốt nghiệp	MISY4899			x	

Ghi chú:

- *BD: Blended;*
- *CD: Mời báo cáo viên báo cáo chuyên đề;*
- *TQ: Tổ chức tham quan doanh nghiệp.*

8.2. Danh mục môn học giảng dạy bằng tiếng Anh

STT	Tên môn học	Mã môn học	GD bằng TA			Ghi chú
			TA1	TA2	TA3	
1.	Nhập môn tin học	ITEC1401			x	
2.	Cơ sở lập trình	ITEC1505			x	
3.	Kỹ thuật lập trình	ITEC1504			x	
4.	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	MISY2501			x	
5.	Hệ điều hành	ITEC2301			x	
6.	Mạng máy tính	ITEC2503			x	
7.	Cơ sở dữ liệu	ITEC2502			x	
8.	Phân tích thiết kế hệ thống	ITEC3401			x	
9.	Toán tin học	MATH3401			X	
10.	Lập trình cơ sở dữ liệu	ITEC3406			x	
11.	Quản trị hệ cơ sở dữ liệu	ITEC4402			x	
12.	Hệ thống thông tin quản lý	MISY3301		x		
13.	Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp	MISY3302			x	
14.	Phát triển hệ thống thông tin quản lý	MISY3303			x	
15.	An toàn bảo mật thông tin	ITEC4406			x	
16.	Lập trình Java	ITEC4407			x	
17.	Công nghệ mã nguồn mở	ITEC4410			x	

STT	Tên môn học	Mã môn học	GD bằng TA			Ghi chú
			TA1	TA2	TA3	
18.	Công nghệ phần mềm	ITEC4409			x	
19.	Lập trình giao diện	ITEC2401			x	
20.	Lập trình web	ITEC3403			x	
21.	Quản lý dự án phần mềm	ITEC4408			x	
22.	Chuyên đề 1	MISY3401			x	
23.	Chuyên đề 2	MISY3402			x	
24.	Thực tập tốt nghiệp	MISY4899			x	

Ghi chú:

- TA1: Môn học được giảng dạy hoàn toàn bằng tiếng Anh (giảng trên lớp, slides bài giảng, tài liệu tham khảo);
- TA2: Môn học được giảng dạy một phần bằng tiếng Anh (giảng bài bằng tiếng Việt, slides bài giảng và tài liệu tham khảo bằng tiếng Anh);
- TA3: Môn học được giảng dạy một phần bằng tiếng Anh (giảng bài bằng tiếng Việt, slides bài giảng bằng tiếng Việt và tài liệu tham khảo bằng tiếng Anh).

8.3. Danh mục các môn học tương đương & thay thế

Các môn tin học có trong chương trình đào tạo ngành Hệ thống thông tin quản lý (Hệ thống thông tin kinh tế) được xét tương đương với các môn học có cùng tên nhưng khác mã môn học (số tín chỉ bằng hoặc nhiều hơn) có trong chương trình đào tạo hệ đại học, hệ liên thông đại học ngành Tin học (Khoa học máy tính).

S T T	Các chương trình cũ				Chương trình mới			
	Tên môn học	Mã môn học	Số tín chỉ		Tên môn học	Mã môn học	Số tín chỉ	
			LT	TH			LT	TH
DANH MỤC CÁC MÔN HỌC TƯƠNG ĐƯƠNG								
1.	Toán cao cấp C1	MATH1301	3		Giải tích	MATH1310	3	
2.	Toán cao cấp C2	MATH1306	3		Đại số tuyến tính	MATH1309	3	
3.	Tiếng Anh căn bản 1	GENG1401	4		Tiếng Anh căn bản 3	GENG0403	4	
4.	Tiếng Anh căn bản 2	GENG1402	4		Tiếng Anh căn bản 4	GENG0404	4	

S T T	Các chương trình cũ				Chương trình mới			
	Tên môn học	Mã môn học	Số tín chỉ		Tên môn học	Mã môn học	Số tín chỉ	
			LT	TH			LT	TH
5.	Tiếng Anh nâng cao 1	GENG1403	4		Tiếng Anh nâng cao 1	GENG0405	4	
6.	Tiếng Anh nâng cao 2	GENG1404	4		Tiếng Anh nâng cao 2	GENG0406	4	
7.	Tiếng Anh nâng cao 3	GENG2317	3		Tiếng Anh nâng cao 3	GENG0307	3	
8.	Tiếng Anh nâng cao 4	GENG2318	3		Tiếng Anh nâng cao 4	GENG0308	3	

8.4. Tốt nghiệp

Sinh viên thực hiện Khóa luận tốt nghiệp (KLTN) hoặc học thêm các học phần chuyên môn có số tín chỉ tương đương, cụ thể như sau: **Tốt nghiệp với Khóa luận tốt nghiệp**

Sinh viên được thực hiện Khóa luận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

- Đã tích lũy 95% số tín chỉ của chương trình đào tạo toàn khóa học (cho phép sinh viên nợ tối đa 2 môn học);
- Có điểm trung bình chung tích lũy từ 2,0 trở lên theo thang điểm 4 tính đến học kỳ 10.

8.4.2. Tốt nghiệp với các môn học thay thế Khóa luận tốt nghiệp

Học 2 môn học thay thế Khóa luận tốt nghiệp để tích lũy 127 tín chỉ (Áp dụng cho các sinh viên không thực hiện KLTN):

- 1 môn Tự chọn trong phần các môn học tự chọn 6.2.2.2 (3TC (2LT + 1TH))
- 1 môn Bổ trợ trong phần các môn học bổ trợ 6.2.3 (3TC LT)

Nếu không đạt môn học Tự chọn, sinh viên được phép đăng ký trả nợ thay thế bằng bất kỳ môn học nào có trong danh mục các môn tự chọn của chương trình đào tạo các khóa.

9. Đề cương chi tiết môn học (Đính kèm)

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

Vũ Hữu Đức